



Số: 080/2023/BCKT-PB.00396

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



LÊ VIỆT CƯỜNG

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2478 - 2023 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
- CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 02 năm 2023

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2505 - 2019 - 009 - 1

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.422.278.652	34.907.827.880
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.580.654.861	3.994.344.461
1. Tiền	111		7.580.654.861	3.994.344.461
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.852.196.334	17.756.146.052
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	11.790.751.260	13.513.517.335
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	695.948.986	548.167.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	3.993.969.855	4.476.857.184
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.628.473.767)	(785.419.767)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	-	3.024.000
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	12.348.956.861	12.503.244.159
1. Hàng tồn kho	141		12.348.956.861	12.503.244.159
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		640.470.596	654.093.208
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	640.470.596	654.093.208
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.647.252.594	6.814.169.031
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	-	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.092.632.544	3.849.663.130
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	3.092.632.544	3.849.663.130
- Nguyên giá	222		27.790.351.234	27.790.351.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.697.718.690)	(23.940.688.104)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		399.392.840	399.392.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(399.392.840)	(399.392.840)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		554.620.050	2.959.505.901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	554.620.050	2.959.505.901
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		38.069.531.246	41.721.996.911

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.814.512.894	16.576.997.522
I. Nợ ngắn hạn	310		9.814.512.894	16.576.997.522
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.660.848.261	3.004.987.829
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	461.678.060	243.782.967
3. Phải trả người lao động	314		3.638.748.596	1.940.316.468
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	-	155.388.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	198.972.943	3.787.228.046
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	2.840.000.000	7.445.294.212
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.265.034	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.255.018.352	25.144.999.389
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	28.255.018.352	25.144.999.389
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.000.000.000	22.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.294.591.369	2.294.591.369
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.960.426.983	850.408.020
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.960.426.983	850.408.020
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		38.069.531.246	41.721.996.911



Người lập biểu

Hoàng Thị Bích Thanh

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 02 năm 2023



Kế toán trưởng

Hoàng Thị Bích Thanh




Tổng Giám đốc

Trần Văn Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 02 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	91.245.506.738	74.744.892.407
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3.709.168.302	2.455.209.914
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		87.536.338.436	72.289.682.493
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	69.099.876.908	57.888.397.532
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18.436.461.528	14.401.284.961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	265.154.854	1.918.642
7. Chi phí tài chính	22	6.5	530.937.244	864.597.074
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		512.170.421	764.106.794
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	4.798.319.461	4.395.042.945
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	12.208.430.566	7.827.781.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.163.929.111	1.315.782.110
11. Thu nhập khác	31	6.8	6.207.533.523	-
12. Chi phí khác	32	6.9	2.409.069.588	123.811.249
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.798.463.935	(123.811.249)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.962.393.046	1.191.970.861
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.001.966.063	341.562.841
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.960.426.983	850.408.020
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	1.800	300
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	1.800	300

Người lập biểu

Hoàng Thị Bích Thanh

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Bích Thanh

Tổng Giám đốc

Trần Văn Hạnh

Chi tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	94.926.676.006	74.205.910.676
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(64.004.562.591)	(48.334.660.690)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.778.369.485)	(19.739.716.462)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(512.170.421)	(760.506.794)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(939.536.994)	(190.282.084)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.884.368.685	2.504.180.585
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(5.785.726.374)	(5.729.904.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.790.678.826	1.955.020.772
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.605.762	1.918.642
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.605.762	1.918.642
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.140.000.000	13.046.294.212
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.745.294.212)	(13.501.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(660.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.265.294.212)	(454.705.788)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.529.990.376	1.502.233.626
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.994.344.461	2.500.284.055
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	56.320.024	(8.173.220)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.580.654.861	3.994.344.461



Người lập biểu
 Hoàng Thị Bích Thanh
 TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 20 tháng 02 năm 2023



Kế toán trưởng
 Hoàng Thị Bích Thanh



Tổng Giám đốc
 Trần Văn Hạnh